TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-10-2019
V/v "*Xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Dung

2. Ông Hồng Chí Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2019 về việc "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2019/QĐST - HNGĐ ngày 04/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Cao Văn C, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Ấp T, xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Châu Bích T, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Ấp T, xã X, huyện B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Cao Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Châu Bích T tự nguyện kết hôn vào năm 1995 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã Tân Xuân vào năm

2004. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến cách đây khoảng 6 năm thì vợ anh viện lý do không khỏe nên không muốn gần gũi với anh. Mặc khác, chị T còn có thói quen uống rượu, cờ bạc, anh đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng chị T không nghe nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Dần dần anh cũng chán nản, rồi hai người đều có người khác nên cuộc sống không còn hạnh phúc. Tuy anh và chị T vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân cách đây 06 năm. Nay anh đã không còn tình cảm với chị T nên anh yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung tên Cao Công M, sinh ngày 13/3/1996 (đã trưởng thành), Cao Thị Huyền R, sinh ngày 24/6/1999 (đã trưởng thành) và Cao Minh N, sinh ngày 28/02/2007. Anh đồng ý giao cháu Minh N cho chị T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Châu Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Cao Văn C cưới nhau năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Xuân vào năm 2004. Sau khi kết hôn, anh chị sống rất hạnh phúc, cho đến cách đây 6 năm, anh C có quen người phụ nữ khác, có lần chị bắt gặp nên hai bên xảy ra xô xát. Tuy chị và anh C hiện cùng sống chung nhà nhưng đã ly thân 02 năm nay. Chị biết chồng chị có người khác, đang sống cùng người khác nhưng vì thương con, không muốn con chị mất cha và cũng muốn vợ chồng hàn gắn lại nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh C có 03 con chung tên Cao Công M, sinh ngày 13/3/1996 (đã trưởng thành), Cao Thị Huyền R, sinh ngày 24/6/1999 (đã trưởng thành) và Cao Minh N, sinh ngày 28/02/2007. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, chị đồng ý nuôi dưỡng cháu Minh N và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị không đồng ý ly hôn nên chị không kê khai tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Thành viên HĐXX thể hiện sự

vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Về hôn nhân: đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh Cao Văn C ly hôn với chị Châu Bích T. Về con chung: Đề nghị áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Cao Minh N, sinh ngày 28/02/2007 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Cao Văn C và chị Châu Bích T kết hôn năm 1995 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2004. Do đó, hôn nhân của anh C và chị T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật C nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, cả hai đều thừa nhận đã phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau và nguyên nhân mâu thuẫn theo lời xác nhận của cả hai là do đối phương có người khác. Điều nay phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương. Tại tòa, anh C cho rằng đã không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên cương quyết ly hôn. Chị T thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn và đã ly thân từ lâu nhưng không muốn ly hôn. HĐXX thấy rằng hôn nhân phải được xây dựng từ sự tự nguyện của đôi bên và chỉ được duy trì bền vững dựa trên lòng tin, trách nhiệm, sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong mối quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T đã không còn sự tin tưởng, thương yêu và đôi bên đã không còn chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Thời gian ly thân của anh C và chị T cũng đã lâu nhưng cả hai vẫn không thể giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh C và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của anh C là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, anh C và chị T có 03 con chung tên Cao Công M, sinh ngày 13/3/1996, Cao Thị Huyền R, sinh ngày 24/6/1999 và Cao Minh N, sinh ngày 28/02/2007. M và R đã trưởng thành nên HĐXX

không xem xét giải quyết. Riêng đối với cháu Minh N, qua làm việc, cháu Minh N có nguyện vọng sống cùng chị T sau khi cha mẹ ly hôn. Việc này cũng được anh C và chị T thống nhất. Do đó, HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao cháu Minh N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng sẽ giúp cho cuộc sống, việc học hành cũng như việc phát triển tâm sinh lý của cháu được ổn định. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét

[4] Về nợ chung: Không có

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Cao Căn C phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho anh Cao Văn C ly hôn với chị Châu Bích T .

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Cao Công M, sinh ngày 13/3/1996 (đã trưởng thành), Cao Thị Huyền R, sinh ngày 24/6/1999 (đã trưởng thành) và Cao Minh N, sinh ngày 28/02/2007. Chị T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Minh N và anh C không cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Cao Văn C phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0004966 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Tân Xuân (Ba Tri, Bến Tre);
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng